

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-11-2022

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Hạng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp VH, xã VL, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp MH, xã VT, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/02/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010 chị và anh Bùi Thanh T có quen biết và tìm hiểu tình cảm với nhau được khoảng 01 thời gian thì chị và anh T đi đến kết hôn với nhau, được cha mẹ hai bên đứng ra có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Tuy, theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 25/3/2010. Chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau bất đồng quan điểm sống hay cãi nhau, có nhiều bất đồng trong cách sống và mất lòng tin với nhau. Giữa chị và anh T đã ly thân với nhau đã hơn 03 năm nay. Nay, chị nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

- Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 đứa con tên là Bùi Võ Thanh Tr (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2011 và Bùi Võ Yên Tr1 (giới tính nữ), sinh ngày 05/10/2015, hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh T, ly hôn chị có nguyện vọng được được dưỡng cháu Tr1 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Chị đồng ý giao cháu Tr cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa chị N thay đổi ý kiến và đồng ý để anh T được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành, chị yêu cầu đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị xác định chung sống với anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định anh chị chung sống không có nợ ai và không ai nợ chúng tôi.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022 bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị N qua thời gian sự quen biết tìm hiểu với nhau, sau đó anh chị đi đến kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định. Năm 2018 chị N nói là đi tỉnh Bình Dương làm Công ty thì anh đồng ý cho đi làm. Đến cuối năm 2018 chị N có nói đi sang Philippin làm (vì có chị vợ đang sống bên đó) và anh cũng đồng ý cho đi, sau đó phát sinh dịch bệnh Covid-19 không đi làm được. Sau khi chị N về lại Việt Nam thì có về lại quê tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nhưng không về thăm nhà. Đến tết nguyên đán vừa rồi anh có dẫn 02 con về nhà ngoại chơi thì mới biết là chị N không muốn quay về chung sống. Anh có khuyên nhủ, gọi về nhưng chị N vẫn không chịu về và đòi ly hôn; giữa anh và chị N cũng đã ly thân với nhau được 03 năm nay, anh thừa nhận giữa anh và chị N hiện nay không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và hiện nay chị N cương quyết ly hôn và không hàn gắn lại tình cảm. Bản thân anh thì vẫn còn thương vợ con, nên không đồng ý ly hôn với chị N, nguyện vọng muốn hàn gắn lại tình cảm để chăm lo cho gia đình.

- Về con chung: Anh và chị Niềm chung sống có 02 đứa con gái tên là Bùi Võ Thanh Tr, sinh ngày 05/12/2011 và Bùi Võ Yên Tr1, sinh ngày 05/10/2015, hiện nay hai cháu đang sống cùng với anh, nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành và anh không yêu cầu chị N phân cấp dưỡng chi phí nuôi con. Trường hợp tại phiên tòa xét xử mà chị N vẫn cương quyết ly hôn thì anh không có ý kiến mà do Tòa án quyết định, về con chung thì anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N phân cấp dưỡng chi phí nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh xác định chung sống không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định, anh chị chung sống không có nợ ai và không ai nợ chúng tôi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho

người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Bùi Thanh T; Về con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Võ Yến Tr1 (giới tính nữ), sinh ngày 05/10/2015 và Bùi Võ Thanh Tr (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2011 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Võ Thị N xin ly hôn đối với anh Bùi Thanh T. Nơi bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp Mười Hùng, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Bùi Thanh T xác lập cuộc sống chung vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 vào ngày 25 tháng 3 năm 2010. Như vậy chị N và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N xin ly hôn đối với anh T nguyên nhân chính phát sinh từ việc: Chị N cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống hay cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Anh T cho rằng giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, do chị N không còn quan tâm đến anh nên mới cương quyết ly hôn và khoảng 03 năm nay giữa anh chị không còn chung sống với nhau.

Đối với anh Bùi Thanh T Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh T đều không có mặt.

[3] Tại phiên tòa, chị N khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh chị không còn liên lạc với nhau và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm, bản thân **chị N** thì không còn tình cảm với anh T và chị cũng tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh Thuận. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị đã có thời gian tìm hiểu nhau nhưng khi về sống chung một thời gian mới bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của **chị N** là phù hợp.

[4] Về con chung: **Chị N** xác định vợ chồng có 02 con chung tên **Bùi Võ Thanh Tr** (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2011 và **Bùi Võ Yến Tr1** (giới tính nữ), sinh ngày 05/10/2015. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng với anh T và cháu Tr có nguyện vọng được sống cùng với anh T.

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay cháu Tr và cháu Tr1 đều sống cùng với anh T và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác, đồng thời chị N cũng thống nhất giao cho anh T được nuôi dưỡng cháu Tr và cháu Tr1 đến tuổi trưởng thành nên HĐXX cần giao cháu Tr và cháu Tr1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với thực tế và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Anh T đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con của chị N theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị Võ Thị N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung:

Giao hai con chung tên **Bùi Võ Thanh Tr** (giới tính nữ), sinh ngày 05/12/2011 và **Bùi Võ Yến Tr1** (giới tính nữ), sinh ngày 05/10/2015 cho anh Bùi Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ý kiến của anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Chị Võ Thị N không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở chị Niềm thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006680, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 04/11/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- Viện KSND H. Gò Quao;
- Chi cục THADS H. Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Tuy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn